

BẢO VỆ CÔNG LÝ, QUYỀN CON NGƯỜI THEO YÊU CẦU TIẾP TỤC CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

• PGS.TS. Tường Duy Kiên*

Tóm tắt: Hoạt động tư pháp có ảnh hưởng rất lớn tới quyền con người, quyền công dân. Nếu nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, hoạt động “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” thì quyền con người được bảo đảm, công lý được thực thi, còn đi ngược lại các nguyên tắc này thì quyền con người sẽ bị vi phạm. Do đó, bảo vệ công lý, quyền con người là tư tưởng xuyên suốt trong tất cả các giai đoạn của quá trình tổ tụng và là trọng tâm của Chiến lược Cải cách tư pháp ở Việt Nam, tầm nhìn đến năm 2045. Bài viết đi sâu phân tích phương hướng, nhiệm vụ bảo vệ công lý, quyền con người theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Công lý, quyền con người, cải cách tư pháp.

Abstract: Judicial activities have a great influence on human rights and citizenship. If the judiciary is clean and strong, while the spirit of respect for “public interests, rule of law, justice and impartiality” is promoted, then human rights will be secured and justice will be implemented, and vice versa. Therefore, the protection of justice and human rights is the mindset throughout all stages of the proceedings and is the focal point of the Judicial Reform Strategy in Vietnam with a vision to 2045. The article analyzes the direction and tasks to protect justice and human rights according to the judicial reform requirements in Vietnam in the current period.

Keywords: Justice, human rights, judicial reform.

Ngày nhận: 07/8/2020

Ngày phản biện, đánh giá: 12/8/2020

Ngày duyệt: 18/8/2020

**1. Yêu cầu khách quan tiếp tục
đẩy mạnh công cuộc cải cách tư pháp ở
Việt Nam hiện nay**

Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ

Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 được ban hành vào ngày 02/6/2005, đến nay (2020) đã thực hiện được 15 năm. Sau 9 năm thực hiện Chiến

(*) Viện trưởng Viện Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

lược, các ngành/cấp có liên quan đã tổ chức tổng kết việc thi hành Chiến lược và Bộ Chính trị đã ra Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, trong đó đánh giá về tình hình triển khai thực hiện Chiến lược, những kết quả đã đạt được và hạn chế, yếu kém, đồng thời chỉ ra những công việc cần tiếp tục thực hiện Chiến lược đến năm 2020.

Sau năm 2020, đất nước ta sẽ bước vào giai đoạn mới, yêu cầu khách quan tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp xuất phát từ những lý do sau đây:

Thứ nhất, Chiến lược cải cách tư pháp, được triển khai sau 15 năm đã thu được nhiều kết quả, nhưng còn có những hạn chế, trong đó có nhiều nhiệm vụ đặt ra chưa thực hiện được, hoặc thực hiện chưa đồng bộ...¹

Thứ hai, Chiến lược cải cách tư pháp cũng đang nằm trong quá trình các cấp/ngành ở cả Trung ương và địa phương thực hiện Hiến pháp năm 2013, Nghị quyết Đại hội lần thứ XII và chuẩn bị nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và tổng kết 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011);

Thứ ba, Chiến lược cải cách tư pháp đang đứng trước thời cơ và vận hội mới của giai đoạn toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước ta trong cộng đồng quốc tế; đặc biệt là yêu cầu thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế nói chung, thực hiện

các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên;

Thứ tư, Chiến lược cải cách tư pháp đang đứng trước thời cơ và thách thức từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, trong đó yêu cầu cần tận dụng cơ hội của cuộc cách mạng này trong các hoạt động tư pháp, nhất là trong hoạt động điều tra và quản lý người phạm tội;

Thứ năm, Chiến lược cải cách tư pháp đang đứng trước những đòi hỏi mới của quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, với yêu cầu phải kiểm soát chặt chẽ quyền lực tư pháp, tránh sự lạm dụng quyền lực tư pháp; phòng, chống oan, sai, vi phạm quyền con người trong hoạt động tư pháp và vấn đề bỏ lọt tội phạm.

Thứ sáu, Chiến lược cải cách tư pháp đòi hỏi đáp ứng đầy đủ mục tiêu bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, không để ai bị bắt, giam giữ, tước quyền tự do oan, sai và đặc biệt phải có cơ chế khôi phục, khắc phục hậu quả một cách nhanh chóng và hiệu quả, bồi thường vật chất và danh dự cho người bị hại, bị oan, nạn nhân của tội phạm và vi phạm quyền con người.

2. Mục tiêu, quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ cải cách tư pháp giai đoạn sau năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045

2.1. Về mục tiêu

Trước đây, mục tiêu cải cách tư pháp đặt ra trong Nghị quyết 49 là: Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng

bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao.

Hiện nay, từ sau năm 2020, cần đặt trọng tâm mới với mục tiêu theo đuổi cả trước mắt cũng như lâu dài của Chiến lược cải cách tư pháp là *bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người* như được xác định trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014. Vì suy đến cùng hoạt động tố tụng, cả dân sự, hình sự, kinh tế, hôn nhân, gia đình, lao động... đều là nhằm xác định sự thật, khách quan của vụ việc hay vụ án, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên; bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, cũng không bỏ lọt tội phạm, như thế là mục tiêu cần đạt được của nền tư pháp công bằng. Và đó cũng chính là mục tiêu của công lý, của quyền con người.

2.2. Về quan điểm

Đề đạt được mục tiêu nêu trên, ngoài 05 quan điểm đã nêu trong Nghị quyết 49², cần bổ sung quan điểm “trong toàn bộ tổ chức và hoạt động của cơ quan pháp phải dựa trên cơ sở quyền con người”. Chỉ có tiếp cận dựa trên cơ sở quyền con người trong tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp, hoạt động tư pháp mới có thể đạt được mục tiêu theo đuổi của chiến lược cải cách tư pháp là *bảo vệ công lý và quyền con người*.

Nguyên tắc tiếp cận dựa trên cơ sở

quyền con người trong tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp cần phải được làm rõ giữa một bên là cá nhân, công dân tham gia vào quan hệ tố tụng với với cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng trên tất cả các lĩnh vực chứ không chỉ trong tố tụng hình sự. Trong các quan hệ này, cần làm rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên liên quan. Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng không chỉ thực hiện đúng thẩm quyền do luật định, mà còn có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, đặc biệt là những người đang ở tình thế bất lợi trong quan hệ tố tụng (bị can, bị cáo, người bị hại, người bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân...).

Thực tiễn cho thấy, chỉ có dựa trên cơ sở quyền con người trong tổ chức và hoạt động tư pháp mới có thể kiểm soát được quyền lực tư pháp như đã được đề ra trong Kết luận số 92-KL/TW của Bộ Chính trị.

2.3. Phương hướng, nhiệm vụ cải cách tư pháp bảo vệ công lý và quyền con người sau năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045

Sau năm 2020, Việt Nam triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tiếp tục chủ động hội nhập quốc tế, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, nhà nước thực hiện trách nhiệm theo nguyên tắc hiến định, đó là “...công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn

minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”⁷³. Để thực hiện được nguyên tắc này, Chiến lược cải cách tư pháp mà trọng tâm cần đạt được mục tiêu bảo vệ công lý, quyền con người, đòi hỏi phải giải quyết một loạt các vấn đề cấp bách sau đây:

(i) Thực hiện nghiêm chỉnh các nguyên tắc hiến định về quyền con người, cần đổi mới tư duy về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Hiến pháp trong bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong đời sống hằng ngày. Hiến pháp không chỉ là đạo luật cao nhất nằm ở trên giấy, mà bản chất Hiến pháp là chỗ dựa cho công lý, công bằng và hạn chế sự lạm dụng của công quyền. Vì vậy, Hiến pháp phải được sử dụng, áp dụng trực tiếp, thường xuyên tại các cơ quan áp dụng pháp luật. Chừng nào chưa thể áp dụng các nguyên tắc, quy định của Hiến pháp trong giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa công quyền và người dân tại cơ quan áp dụng pháp luật, thì chưa thể hoàn thành mục tiêu xây dựng nền pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Trong những năm tới, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo đảm các quyền con người đã được Hiến pháp năm 2013 quy định, trong đó đặc biệt là các quy trình, thủ tục tố tụng tư pháp – quyền thủ tục. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng vì nếu không có quy trình, thủ tục đúng đắn, công khai để thực hiện quyền, thì quyền chỉ tồn tại trên giấy, khó đi vào cuộc sống.

(ii) Đổi mới và nhận thức đúng đắn

hơn nữa về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cơ quan tư pháp (theo hướng lãnh đạo ngành dọc, từ trên xuống hay vẫn theo cơ chế song trùng - phụ thuộc đơn vị hành chính). Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng, với mục đích là để hạn chế sự tác động, can thiệp không đúng đắn trong hoạt động tố tụng, nhất là hoạt động xét xử và công tác bổ nhiệm lại nhiệm kỳ của Thẩm phán, Kiểm sát viên... Nếu chưa giải quyết được vấn đề này, thì sự độc lập tố tụng sẽ khó đạt được, bởi người tiến hành tố tụng, nhất là đối với Thẩm phán, không chỉ chịu sự lãnh đạo của Đảng (thuộc ngành dọc), mà cả từ cấp đơn vị hành chính, sẽ chịu tác động rất lớn trong thực thi công vụ.

(iii) Trọng tâm của cải cách tư pháp có đạt được mục tiêu bảo vệ công lý và quyền con người hay không, điều quan trọng nhất vẫn là ở khâu Tòa án có thực sự độc lập trong hoạt động xét xử được hay không? Đây là vấn đề quan trọng nhất và cốt lõi nhất của cải cách tư pháp. Bởi toàn bộ tiến trình tố tụng, dù là vụ việc dân sự, hay hình sự cuối cùng cũng là đưa đến Tòa án để phán quyết có tội hay không có tội, đúng hay sai giữa các bên, qua đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, công dân, lợi ích của Nhà nước và xã hội. Như vậy, thủ tục tố tụng tiền xét xử là hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ để chứng minh tội phạm, chứng minh tính đúng đắn của các bên trong quan hệ tố tụng, chính là để phục vụ cho hoạt động xét xử của Tòa án. Vì thế, bảo đảm sự độc lập, khách quan, vô



Phó Chủ tịch Quốc hội Ưng Chu Lưu và Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội Vũ Hồng Thanh đồng chủ trì hội thảo “Định hướng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045”. Nguồn:quochoi.vn

tư, “phụng công, thủ pháp” của Tòa án là nguyên tắc quan trọng nhất để bảo đảm công lý, quyền con người.

Vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào để phân định được rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp của người tiến hành tố tụng trong hoạt động tố tụng của cơ quan tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án). Hiện nay, nguyên tắc xét xử độc lập đã được áp dụng đối với Thẩm phán, vậy nguyên tắc này có thể áp dụng được với Kiểm sát viên, Điều tra viên hay không⁴? Liệu có thể tăng quyền và tính tự chịu trách nhiệm cho Điều tra viên, Kiểm sát viên như tính độc lập của Thẩm phán trong thực thi nhiệm vụ; nhằm nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình trong bối cảnh thực hiện nguyên tắc tranh tụng không chỉ áp dụng

tại tòa mà trong tất cả các giai đoạn của quá trình tố tụng?

Làm thế nào để kiểm soát được quyền lực tư pháp trong hoạt động tư pháp (kiểm soát nội bộ bên trong và kiểm soát từ bên ngoài như thế nào, nhất là giám sát của cơ quan dân cử, Mật trận Tổ quốc và báo chí... nhằm xóa bỏ tối đa việc “thình thị án” (xin ý kiến trước khi xét xử), bảo đảm Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực sự độc lập, chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động xét xử, lãnh đạo cơ quan Tòa án tuyệt đối không được định hướng xét xử cụ thể đối với vụ án.

Làm thế nào để nhanh chóng kết thúc điều tra vụ án và đưa bị cáo ra tòa càng sớm càng tốt, tránh tình trạng tạm giam, tạm giữ quá lâu mà không có cơ sở vững chắc để buộc tội họ, nhằm hạn chế việc gia hạn điều tra, gia hạn tạm giam tước đi quyền tự do cá nhân⁵. Để thực hiện

được nguyên tắc quốc tế này, liệu Tòa án có thể được thông báo hay tham gia vào vụ án ngay khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hoặc khởi tố bị can được không?

iv) Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển như vũ bão, cải cách tư pháp cần tận dụng triệt để thành tựu của cuộc cách mạng này, trong đó kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin; sử dụng trí tuệ nhân tạo như thế nào trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử; cần sửa đổi kịp thời các quy định pháp luật, nhất là quy định liên quan tới điều tra, khám phá tội phạm sử dụng công nghệ cao, để chứng minh tội phạm.

(v) Để tăng cường tính độc lập của tư pháp, nhiệm kỳ của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán cần được nghiên cứu kéo dài như thế nào để tránh ảnh hưởng, tác động tiêu cực từ cơ quan quản lý hành chính và các thực thể khác trong xã hội;

(vi) Cải cách tư pháp trong quá trình thực hiện nguyên tắc được quy định lần đầu tiên ở nước ta, đó là: “Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng” (Khoản 2, Điều 4 Bộ luật TTDS năm 2015). Điều này đặt ra vấn đề, liệu có thể mở rộng nguyên tắc này trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội được không và đây liệu có thể mở đường để công dân có thể viện dẫn Hiến pháp tại Tòa án để giải quyết các vụ việc liên quan tới bảo vệ quyền và lợi ích của cá nhân, công dân; Tòa án liệu có thể trở thành *thiết chế chính* để giải thích Hiến pháp và luật?

(vii) Cải cách tư pháp trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền, hội nhập quốc tế; cách mạng công nghiệp 4.0 cần tăng cường bảo vệ, phòng ngừa các hành vi vi phạm quyền con người của người bị tạm giữ, tạm giam và đổi mới công tác quản lý trại giam trong bối cảnh mới như thế nào?

(viii) Bảo đảm thực hiện đầy đủ nguyên tắc xét xử công bằng theo cần tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về quyền con người trong hoạt động xét xử, đó là tuân thủ nguyên tắc về tính độc lập và công bằng của Thẩm phán. Như vậy, nhất định phải có độc lập về tư pháp, vì chỉ khi hệ thống Tòa án độc lập thì mới có thể mang lại công lý một cách vô tư trên cơ sở pháp luật, từ đó mới bảo vệ được quyền con người và tự do cơ bản của cá nhân.

Cần phải hiểu “Nguyên tắc độc lập của thẩm phán không phải được sinh ra vì lợi ích của cá nhân thẩm phán mà được tạo ra để bảo vệ con người khỏi sự lạm dụng quyền lực. Nó xuất phát từ nhận thức rằng thẩm phán không được hành động một cách tùy tiện và giải quyết vụ việc theo ý chí chủ quan của mình mà trách nhiệm của họ là và mãi mãi là áp dụng pháp luật⁶”

Để bảo đảm Tòa án độc lập, yêu cầu khách quan các quốc gia cần tuân thủ nguyên tắc bảo đảm Tòa án độc lập về thể chế bao gồm: *Độc lập về hành chính; độc lập về tài chính; độc lập về quá trình ra các quyết định tư pháp.*

Đối với cá nhân Thẩm phán: có quyền và nghĩa vụ giải quyết vụ án theo

luật, không bị chỉ trích hay trả thù cá nhân dưới bất kỳ hình thức nào, ngay cả khi họ có nghĩa vụ phải ra bản án trong những vụ án khó và nhạy cảm. Để bảo đảm được yêu cầu này, Nguyên tắc số 11, Các nguyên tắc cơ bản về tính độc lập của Tòa án, được Đại hội đồng LHQ thông qua năm 1985 quy định. “Nhiệm kỳ của thẩm phán, sự độc lập, an ninh, thù lao thích đáng, các điều kiện công tác, lương hưu và độ tuổi nghỉ hưu của thẩm phán phải được bảo đảm bằng các quy định của luật”⁷.

Tuân thủ các quy định chung về tiêu chuẩn và thời hạn bổ nhiệm. Theo đó, tiêu chuẩn: trình độ chuyên môn và sự trung thực của cá nhân ứng viên là tiêu chí lựa chọn duy nhất.

Về thời hạn, cần bảo đảm an ninh nhiệm kỳ cho đến khi nghỉ hưu (bổ nhiệm một lần). Nguyên tắc 12, Các nguyên tắc cơ bản về tính độc lập của Tòa án quy định: “Thẩm phán dù được bổ nhiệm hay bầu ra đều phải được bảo đảm thời gian làm việc cho đến tuổi về hưu bắt buộc hay hết nhiệm kỳ ở những nơi có chế độ như vậy”⁸.

Về bảo đảm công bằng trong hoạt động xét xử: Xét xử công bằng là yếu tố đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm cho quyền con người được tôn trọng và được bảo vệ. Nếu công bằng không được bảo đảm thì ý nghĩa bảo vệ quyền của hoạt động xét xử khó tồn tại. Ngoài ra, những hệ quả của xét xử không công bằng còn tác động tiêu cực đến chức năng bảo vệ pháp luật, uy tín của Nhà nước, đồng thời làm xói mòn niềm tin của người dân

đến công lý và bản chất của chế độ. Vì tầm quan trọng của nguyên tắc công bằng đã được luật nhân quyền quốc tế nâng lên thành quyền được xét xử công bằng. Và theo luật nhân quyền quốc tế, quyền được xét xử công bằng là quyền cơ bản của người bị buộc tội hình sự trước cơ quan tư pháp (Công an, công tố và Tòa án), được pháp luật quốc gia và quốc tế ghi nhận.

Nhằm bảo đảm cho việc xét xử được công bằng, cũng như các quyền và lợi ích hợp pháp của mọi cá nhân, Luật quốc tế về quyền con người quy định một loạt các tiêu chuẩn về bảo đảm quyền được xét xử công bằng, các quốc gia cần phải tuân thủ. Điều 14 nguyên tắc Tòa án độc lập và xét xử công bằng, bao gồm các quyền sau đây: Quyền được xét xử bởi một Tòa án độc lập, có thẩm quyền và vô tư; Quyền được có phiên tòa công bằng (tiếp cận Tòa án; quyền bình đẳng về quyền và thủ tục tranh tụng); Quyền được xét xử công khai (bản án công khai; xét xử không chậm trễ, trong thời hạn hợp lý); Quyền tự bào chữa hoặc có luật sư do họ lựa chọn; Quyền có mặt tại phiên tòa; Quyền không bị buộc phải đưa ra chứng cứ chống lại chính mình; Cấm sử dụng chứng cứ có được do tra tấn, bức cung; Quyền được triệu tập thẩm tra nhân chứng; Quyền về phiên dịch; Không áp dụng hiệu lực hồi tố; Không bị xét xử hai lần đối với cùng hành vi phạm tội; Quyền được hưởng hình phạt nhẹ hơn; Quyền kháng cáo; quyền được bồi thường thiệt hại...)⁹ ■

Tài liệu tham khảo

(1) Kết luận số 92/KL-TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và Báo cáo số 01 -BC/BCĐCCTPTW ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương về việc thực hiện chương trình trọng tâm công tác cải cách tư pháp giai đoạn 2011-2016; dự kiến chương trình trọng tâm công tác cải cách tư pháp giai đoạn 2016-2021.

(2) Quan điểm

2.1. Cải cách tư pháp phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, bảo đảm sự ổn định chính trị, bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

2.2. Cải cách tư pháp phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; gắn với đổi mới công tác lập pháp, cải cách hành chính.

2.3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong quá trình cải cách tư pháp. Các cơ quan tư pháp, cơ quan hỗ trợ tư pháp phải đặt dưới sự giám sát của các cơ quan dân cử và nhân dân.

2.4. Cải cách tư pháp phải kế thừa truyền thống pháp lý dân tộc, những thành tựu đã đạt được của nền tư pháp xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh nước ta và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế; đáp ứng được xu thế phát triển của xã hội trong tương lai.

2.5. Cải cách tư pháp phải được tiến hành khẩn trương, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm với những bước đi vững chắc.

(3) Hoàng Thế Liên (Chủ biên), *Hiến pháp năm 2013 – những điểm mới mang tính đột phá (sách chuyên khảo)*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội 2015, trang 336.

(4) Hiện nay điều tra viên và kiểm sát viên đang thực hiện thẩm quyền và nhiệm vụ của mình theo nguyên tắc thủ trưởng chế. Không phải nguyên tắc độc lập như hoạt động của thẩm phán và hội thẩm nhân dân.

(5) Khoản 2, Điều 9 Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 quy định: Bất cứ người nào bị bắt hoặc bị giam giữ vì một tội hình sự phải được sớm đưa ra tòa án hoặc một cơ quan tài phán có thẩm quyền thực hiện chức năng tư pháp và phải được xét xử trong thời hạn hợp lý hoặc được trả tự do.

(6) Viện Nghiên cứu quyền con người, *“Quyền con người trong quản lý tư pháp – Sổ tay về quyền con người dành cho thẩm phán, Công tố viên và Luật sư”*, Nhà xuất bản công an nhân dân, Hà Nội - 2009, trang 178.

(7);(8) Đại học quốc gia Hà Nội, Khoa Luật (2011), *“Giới thiệu văn kiện quốc tế về quyền con người”*, Nhà xuất bản Lao động - xã hội; Hà Nội, trang 283;284

(9) Viện Nghiên cứu quyền con người, *Một số văn kiện của Liên hợp quốc về quyền con người trong quản lý tư pháp (Sách tham khảo)*, Nhà xuất bản công an nhân dân, 2009, trang 38, 39